TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 19-8-2026
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Thanh Trúc Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:
1-Bà Nguyễn Thị Hạnh
2-Bà Lê Thị Kim Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoài Trọng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - Lâm Đồng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Vân - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 253/2026/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2026, về việc: *"Không công nhận quan hệ vợ chồng"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/8/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh Phong, sinh năm 1972 (vắng mặt);
- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh Hương, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn Hồng Hải, xã Hòa Thắng, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – ông Nguyễn Thanh Phong trình bày: Vào năm 1990, Ông và bà Nguyễn Thị Thanh Hương tình cờ gặp nhau. Sau một thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau, Ông và bà Nguyễn Thị Thanh Hương quyết định chung sống như vợ chồng tại thôn Hồng Hải, xã Hòa Thắng, tỉnh Lâm Đồng nhưng không đăng ký kết hôn. Ông và bà Nguyễn Thị Thanh Hương chung sống với nhau được 06 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm ở nhiều vấn đề trong cuộc sống, không thể hàn gắn được. Đến năm 1995, vợ chồng sống ly thân cho đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng không ai còn quan tâm đến ai. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, nên Ông làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận Ông với bà Nguyễn Thị Thanh Hương là vợ chồng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có với nhau 02 con chung tên Nguyễn Thị Liên (sinh năm 1991) và Nguyễn Thị Thanh (sinh năm 1993). Hiện nay, con chung tên Nguyễn Thị Liên đã chết, còn con chung tên Nguyễn Thị Thanh đã trưởng thành, nên Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – bà Nguyễn Thị Thanh Hương trình bày:*** Thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh Phong về vấn đề hôn nhân, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay, ông Nguyễn Thanh Phong yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận Bà và ông Nguyễn Thanh Phong là vợ chồng, Bà đồng ý. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị:

- Về hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Thanh Phong và bà Nguyễn Thị Thanh Hương là vợ chồng.

- Về con chung: Hiện nay Nguyễn Thị Thanh, sinh năm 1993 đã trưởng thành, còn cháu Nguyễn Thị Liên đã chết. Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Ông Nguyễn Thanh Phong phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp:* Tại đơn khởi kiện, ông Nguyễn Thanh Phong yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông nguyễn Thanh phong và bà Nguyễn Thị Thanh Hương. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn có nơi cư trú tại xã Hòa Thắng, tỉnh Lâm Đồng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Lâm Đồng, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] *Về việc vắng mặt nguyên đơn và bị đơn:* Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh Phong và bà Nguyễn Thị Thanh Hương xác định: Vào năm 1990, ông Nguyễn Thanh Phong và bà Nguyễn Thị Thanh Hương tình cờ gặp nhau. Sau một thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau, ông Nguyễn Thanh Phong và bà Nguyễn Thị Thanh Hương quyết định chung sống như vợ chồng tại thôn Hồng Hải, xã Hòa Thắng, tỉnh Lâm Đồng nhưng không đăng ký kết hôn. Ông Nguyễn Thanh Phong và bà Nguyễn Thị Thanh Hương chung sống với nhau được 06 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn được. Đến năm 1995, vợ chồng sống ly thân cho đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng không ai còn quan tâm đến ai.

Nay, ông Nguyễn Thanh Phong làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông Nguyễn Thanh Phong và bà Nguyễn Thị Thanh Hương là vợ chồng.

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh Phong.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ năm 1990, ông Nguyễn Thanh Phong và bà Nguyễn Thị Thanh Hương bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn trong thời hạn do pháp luật quy định, nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hiện nay, ông Nguyễn Thanh Phong và bà Nguyễn Thị Thanh Hương không còn chung sống với nhau nữa và đều thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận ông Nguyễn Thanh Phong và bà Nguyễn Thị Thanh Hương là vợ chồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có với nhau 02 con chung tên Nguyễn Thị Liên (sinh năm 1991) và Nguyễn Thị Thanh (sinh năm 1993). Hiện nay, con chung tên Nguyễn Thị Liên đã chết, còn con chung tên Nguyễn Thị Thanh đã trưởng thành. Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Thanh Phong phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Xét ý kiến của Vị đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử nhận thấy, ý kiến của Vị đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh Phong.

- Về hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Thanh Phong và bà Nguyễn Thị Thanh Hương là vợ chồng.
- Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có với nhau 02 con chung tên Nguyễn Thị Liên (sinh năm 1991) và Nguyễn Thị Thanh (sinh năm 1993). Hiện nay, con chung tên Nguyễn Thị Liên đã chết, còn con chung tên Nguyễn Thị Thanh đã trưởng thành. Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.
- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Thanh Phong phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012310 ngày 30/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng, ông Nguyễn Thanh Phong đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thanh Trúc Tuyền

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 13 – Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã Hòa Thắng;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; V.P